HỆ THỐNG MẪU BIỂU
*(ban hành kèm theo Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài)*

|  |  |
| --- | --- |
| Số phụ lục | Tên mẫu/phụ lục |
| Mẫu số 1 | Mẫu Giấy đề nghị xác nhận chi phí hợp lệ vốn sự nghiệp |
| Phụ lục số 01 | Kế hoạch tài chính vốn ODA, vốn vay ưu đãi năm |
| Phụ lục số 02 | Giấy đề nghị hạch toán, ghi thu ghi chi vốn ODA, vốn vay ưu đãi |
| Phụ lục số 02-A | Bảng kê hạch toán, ghi thu ghi chi vốn ODA, vốn vay ưu đãi |
| Phụ lục số 02-B | Bảng kê hạch toán, ghi thu ghi chi ngân sách Nhà nước vốn ODA, vốn vay ưu đãi (áp dụng đối với dự án chỉ có một cấp tài khoản) |
| Phụ lục số 03 | Báo cáo sao kê số liệu rút vốn ODA, vốn vay ưu đãi (áp dụng đối với các dự án do Cơ quan cho vay lại kiểm soát chi) |
| Phụ lục số 04 | Báo cáo tình hình giải ngân hàng quý vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi của chủ dự án |
| Phụ lục số 05 | Báo cáo tình hình giải ngân vốn ODA, vốn vay ưu đãi của Cơ quan chủ quản |
| Phụ lục số 06 | Báo cáo kết thúc giải ngân |

**Mẫu số 01**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chủ dự án:** ………Số: …… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------** |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN CHI PHÍ HỢP LỆ VỐN SỰ NGHIỆP**

Kính gửi: Kho bạc nhà nước ……………………..

Tên dự án: …………………………………………………………

Chủ dự án/Ban QLDA ……………………mã số ĐVSDNS: ……………………………

|  |  |
| --- | --- |
| Số tài khoản của chủ dự án: | - Vốn trong nước…………… tại: …………………………………- Vốn ngoài nước…………… tại ………………………………… |

Căn cứ hợp đồng số:……………….. ngày.... tháng…. năm... Phụ lục bổ sung hợp đồng số...... ngày...tháng...năm...

Căn cứ biên bản nghiệm thu số...ngày....tháng...năm... (kèm theo Biên bản nghiệm thu KLH

Lũy kế giá trị khối lượng nghiệm thu của hạng mục đề nghị thanh toán: ………………đồng.

Số dư tạm ứng của hạng mục đề nghị thanh toán …………………………đồng.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Số tiền đề nghị: | Tạm ứng | Thanh toán | Theo bảng dưới đây (khung nào không sử dụng thì gạch |
|   |   |   |

Thuộc nguồn vốn: (HCSN nguồn NSNN; CTMT, ODA, vay ưu đãi) …………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| Thuộc kế hoạch vốn: | Năm... |

*Đơn vị: đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Dự toán được duyệt hoặc giá trị trúng thầu hoặc giá trị hợp đồng | Lũy kế số vốn đã thanh toán từ khởi công đến cuối kỳ trước (gồm cả tạm ứng) | Số đề nghị tạm ứng, thanh toán kỳ này (gồm cả thu hồi tạm ứng) |
| Vốn TN | Vốn NN | Vốn TN | Vốn NN |
| Ghi tên công việc, hạng mục hoặc hợp đồng đề nghị thanh toán hoặc tạm ứng |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |
| **Cộng tổng** |   |   |   |   |   |

*(Ghi chú: Đồng tiền đề nghị xác nhận theo quy định của hợp đồng...)*

Tổng số tiền đề nghị tạm ứng, thanh toán bằng số: ………………………………………

Bằng chữ: ………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………

(Ghi rõ: Vốn vay…… /hoặc viện trợ không hoàn lại..................)

Trong đó: - Thanh toán để thu hồi tạm ứng (bằng số): ……………………

+ Vốn trong nước ………………………

+ Vốn ngoài nước …………………………

- Thuế giá trị gia tăng

- Chuyển tiền bảo hành (bằng số)

- Số trả đơn vị thụ hưởng (bằng số) ………………………………………

+ Vốn trong nước ……………………………………………………………

+ Vốn ngoài nước …………………………………………..……………….

Tên đơn vị thụ hưởng ……………………………………….………………

Số tài khoản đơn vị thụ hưởng ………………….tại ………………………

|  |  |
| --- | --- |
| **Kế toán trưởng***(Ký, ghi rõ họ tên)* | *Ngày…… tháng…… năm.........***Chủ dự án***(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)* |

**PHẦN GHI CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC**

Ngày nhận chứng từ………………………………………………………………

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Kho bạc nhà nước chấp nhận | Tạm ứng | Thanh toán | Theo nội dung sau: |
| *(Khung nào không sử dụng thì gạch chéo)* |
| *Đơn vị: đồng/USD...* |
| Nội dung | Tổng số | Vốn trong nước | Vốn ngoài nước |
| **Số vốn chấp nhận** |   |   |   |
| + Mục..., tiểu mục…… |   |   |   |
| + Mục..., tiểu mục…… |   |   |   |
| + Mục..., tiểu mục…… |   |   |   |
| + Mục..., tiểu mục…… |   |   |   |
| Trong đó: |   |   |   |
| + Số thu hồi tạm ứng |   |   |   |
| Các năm trước |   |   |   |
| Năm nay |   |   |   |
| + Thuế giá trị gia tăng |   |   |   |
| + …………………… |   |   |   |
| + Số trả đơn vị thụ hưởng |   |   |   |
| *Bằng chữ:* |   |   |   |
| **Số từ chối:** |   |   |   |
| *Lý do:* |   |   |   |

Ghi chú:…………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cán bộ thanh toán***(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Trưởng phòng***(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Giám đốc KBNN***(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)* |

(**Ghi chú:** Mẫu giấy này áp dụng để KBNN xác nhận đề nghị tạm ứng/ giá trị khối lượng hoàn thành đủ điều kiện thanh toán bằng vốn ODA và vốn đối ứng theo tỷ lệ quy định của dự án.

Vốn ngoài nước: ghi cụ thể từng nguồn vay, viện trợ (nếu có).

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên cơ quan chủ quản** | **Phụ lục 01** |

**KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI NĂM...**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính)*

Đơn vị tính: triệu đồng

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Tên chương trình, dự án | Thời gian thực hiện | Quyết định đầu tư | Nhà tài trợ/Số hiệu khoản tài trợ | Tổng vốn chương trình, dự án | Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo | Ước giải ngân từ đầu dự án đến hết năm hiện tại | Kế hoạch tài chính năm... |
| Tổng số | Chia theo nguồn | Chia theo nguồn | Chia theo nguồn | Chia theo nguồn |
| Ngoài nước | Vốn đối ứng | Tổng số | Ngoài nước | Vốn đối ứng | Tổng số | Ngoài nước | Vốn đối ứng | Tổng số | Ngoài nước | Vốn đối ứng |
| NSTW | … | ĐTPT | Sự nghiệp | CVL | ĐTPT | Sự nghiệp | ĐTPT | Sự nghiệp | CVL | ĐTPT | Sự nghiệp | ĐTPT | Sự nghiệp | CVL | ĐTPT | Sự nghiệp |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 |
|   | TỔNG SỐ |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| A | NGÀNH, LĨNH VỰC |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| I | Dự án nhóm A |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 1 | Dự án đầu tư mới |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   | Dự án A |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   | … |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   | … |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 2 | Dự án chuyển tiếp |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   | Dự án B |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| II | Dự án nhóm... |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| B | NGÀNH, LĨNH VỰC |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| I | Dự án nhóm A |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 1 | Dự án đầu tư mới |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   | Dự án C |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   | … |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   | … |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 2 | Dự án chuyển tiếp |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   | Dự án D |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |

Ghi chú: Ngành, lĩnh vực chi tiết theo 12 lĩnh vực chi thường xuyên theo quy định tại Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước

Dự án có nhiều nguồn tài trợ báo cáo số liệu lũy kế giải ngân, ước thực hiện và kế hoạch năm theo từng khoản tài

|  |  |
| --- | --- |
|   | *Ngày…… tháng…… năm………***Cơ quan chủ quản***(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên cơ quan chủ quản** |  |  |
| **Chủ dự án:………………** | Mã đơn vị quan hệ ngân sách: Nhà tài trợ/số hiệu khoản vay: | **Phụ lục số 02** |
| Tên dự án:…………………… | Niên độ: | Phiếu đề nghị số:..../(tên nhà tài trợ)/(niên độ ngân sách) |
|  |  |  |  |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ HẠCH TOÁN, GHI THU GHI CHI VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung khoản chi/Người thụ hưởng** | **Ngày giải ngân cho người thụ hưởng** | **Số tiền thực rút quy ngoại tệ (tên ngoại tệ)** | **Tỷ giá** | **Quy đổi VND (đơn vị:...đồng)** | **Chênh lệch với số đã kiểm soát chi (nếu có)** | **Nguồn vốn** | **Mục lục NSNN** | **Phương thức giải ngân** | **Ghi chú** |
| **ĐTPT** | **Sự nghiệp** | **CVL** | **ĐTPT** | **Sự nghiệp** | **CVL** | **NSTW** | **Hỗ trợ có mục tiêu cho NSĐP** |
| *Đơn rút vốn số...* |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| … |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| … |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| *Tổng cộng:* |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| *Đơn rút vốn số...* |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| … |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| … |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| *Tổng cộng:* |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **Tổng số:** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| Chương:LoạiMụcTiểu mục: Số tiền: (bằng số.../bằng chữ)Mã CTMT nếu dự án thuộc CTMTQG | PHẦN GHI CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC- Tổng vốn cấp phát:Trong đó: + ĐTPT:+ HCSN:- Tổng vốn vay lại: |
| *Ngày…… tháng…… năm........* | *Ngày…… tháng…… năm........* |
| **Người lập** | **Kế toán trưởng** | **Chủ dự án** | **Cán bộ thanh toán** | **Trưởng phòng** | **Giám đốc KBNN** |
| *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)* |
| Ghi chú: Giấy đề nghị hạch toán cần được lập riêng cho từng khoản tài trợ và từng niên độ ngân sách. Giấy đề nghị hạch toán do Chủ dự án phát hành và đánh số thứ tự.Trường hợp dự án vay lại theo tỷ lệ thì báo cáo số vốn vay lại theo tỷ lệ để phục vụ đối chiếu. |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chủ dự án:…………** | Mã đơn vị quan hệ ngân sách:... | Nhà tài trợ/số hiệu khoản vay: | **Phụ lục số 02-A** |
| Tên dự án:……………………………………………………… | Niên độ: |   |

**BẢNG KÊ HẠCH TOÁN, GHI THU GHI CHI VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính)*

(Áp dụng đối với dự án có tài khoản cấp 1 và 2)

 Đơn vị tính: đồng Việt Nam/đồng ngoại tệ

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung khoản chi/Người thụ hưởng** | **Ngày giải ngân cho người thụ hưởng** | **Số tiền thực rút quy ngoại tệ (tên ngoại tệ)** | **Tỷ giá** | **Quy đổi VND (đơn vị:...đồng)** | **Phân loại theo nguồn vốn** | **Giấy đề nghị hạch toán giải ngân được KBNN xác** | **Lệnh chi hạch toán NSNN của KBNN** | **Phương thức giải ngân** | **Ghi chú(\*)** |
| **ĐTPT** | **Sự nghiệp** | **Cho vay lại** | **ĐTPT** | **Sự nghiệp** | **Cho vay lại** | **NSTW** | **Hỗ trợ có mục tiêu cho NSĐP** | **Số** | **Ngày** | **Số** | **Ngày** |
| **Ban QLDATW** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **Kế hoạch vốn năm được duyệt (A)** |  |  |  |  |  | **?** | **?** | **?** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *Đơn rút vốn số...* |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| … |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| … |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| … |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| *Tổng cộng:* |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| *Đơn rút vốn số...* |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| … |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| … |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| … |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| *Tổng cộng:* |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **Lũy kế giải ngân theo kế hoạch** |   |   |   |   |   | **?** | **?** | **?** |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **Còn được giải ngân theo kế hoạch năm (C= A-** |   |   |   |   |   | **?** | **?** | **?** |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **Ban QLDA tỉnh X** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| *Đơn rút vốn số...* |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| … |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | TK cấp 2 | Chi từ TK cấp 2 |
| … |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | TKTƯ | Ban QLDATW chi từ TK cấp 1 |
| … |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | Trực tiếp |
| *Tổng cộng:* |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **Ban QLDA tỉnh Y** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| *Đơn rút vốn số...* |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| ... |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| … |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| … |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| *Tổng cộng:* |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **Tổng số:** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập***(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Kế toán trưởng***(Ký, ghi rõ họ tên)* | *Ngày…… tháng…… năm........***Chủ dự án***(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)* |

Ghi chú: Bảng kê tổng hợp lập gửi kèm đơn rút vốn đối với các dự án ô, có một tài khoản tạm ứng tại cấp Trung ương và nhiều tài khoản cấp 2. Tùy theo tính chất các khoản chi, chủ dự án kê rõ các khoản chi của từng dự án thành phần để làm cơ sở đối chiếu với các Phiếu hạch toán NSNN được KBNN xác nhận.

Mỗi niên độ ngân sách lập một bảng kê riêng.

Trường hợp dự án vay lại theo tỷ lệ thì báo cáo số vốn vay lại theo tỷ lệ để phục vụ đối chiếu.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chủ dự án:…………** | Mã đơn vị quan hệ ngân sách:... | Nhà tài trợ/số hiệu khoản vay: | **Phụ lục số 02-B** |
| Tên dự án:……………………………………………………… | Niên độ: |   |

**BẢNG KÊ HẠCH TOÁN, GHI THU GHI CHI VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính)*

(Áp dụng đối với dự án chỉ có tài khoản cấp 1)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam/đồng ngoại tệ

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung khoản chi/Người thụ hưởng** | **Ngày giải ngân cho người thụ hưởng** | **Số tiền thực rút quy ngoại tệ (tên ngoại tệ)** | **Tỷ giá** | **Quy đổi VND (đơn vị:...đồng)** | **Phân loại theo nguồn vốn (NSTW hoặc NSTW hỗ trợ có mục tiêu cho NSĐP)** | **Giấy đề nghị hạch toán giải ngân được KBNN xác nhận** | **Lệnh chi hạch toán NSNN của KBNN** | **Hình thức rút vốn** | **Ghi chú (\*)** |
| **ĐTPT** | **Sự nghiệp** | **Cho vay lại** | **ĐTPT** | **Sự nghiệp** | **Cho vay lại** | **Số** | **Ngày** | **Số** | **Ngày** |
| *Đơn rút vốn số...* |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| … |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| … |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| … |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| ***Tổng cộng:*** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập***(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Kế toán trưởng***(Ký, ghi rõ họ tên)* | *Ngày…… tháng…… năm........***Chủ dự án***(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)* |

Ghi chú: bảng kê tổng hợp lập gửi kèm đơn rút vốn đối với các dự án. Tùy theo tính chất các khoản chi, chủ dự án kê rõ các khoản chi của từng dự án thành phần để làm cơ sở đối chiếu với các Phiếu hạch toán NSNN được KBNN xác nhận.

Mỗi niên độ ngân sách lập một bảng kê riêng.

Trường hợp dự án vay lại theo tỷ lệ thì báo cáo số vốn vay lại theo tỷ lệ để phục vụ đối chiếu.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |   | **Phụ lục số 03** |
| **Chủ dự án:……**Tên dự án:…………………………………………………………Cơ quan cho vay lại: | Nhà tài trợ:Niên độ: |  |

**BÁO CÁO SAO KÊ RÚT VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính)*(kèm theo đơn rút vốn số……, cho giai đoạn từ ngày... đến ngày...)

*(Áp dụng cho chương trình, dự án vay lại)*

Đơn vị tính: đồng Việt Nam/đồng ngoại tệ

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung khoản chi/Người thụ hưởng** | **Ngày giải ngân cho người thụ hưởng** | **Số tiền ngoại tệ** | **Quy VNĐ** | **Tỷ giá** | **Phương thức giải ngân** | **Ghi chú** |
|   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |
| **Tổng số** |   |   |   |   |   |   |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập***(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Kế toán trưởng***(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Chủ dự án***(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)* |

Ghi chú: Mỗi niên độ ngân sách lập một bảng kê riêng.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |   | **Phụ lục 04** |
| **Tên cơ quan chủ quản****Chủ dự án:………**Tên dự án:………………………………………………… | **Niên độ:** |  |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN VAY ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính)*

(Kỳ báo cáo quý.../20...)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam/đồng ngoại tệ

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nguồn vốn vay** | **Nhà tài trợ/Số hiệu khoản tài trợ** | **Dự toán vốn năm được giao** | **Thực hiện Quý.../2016** | **Lũy kế từ đầu năm đến kỳ báo cáo** | **Ghi chú** |
| **ĐTPT** | **Sự nghiệp** | **Cho vay lại** | **ĐTPT** | **Sự nghiệp** | **Cho vay lại** |
| **ĐTPT** | **Sự nghiệp** | **Cho vay lại** | **Giá trị KLHT** | **Giá trị giải ngân** | **Giá trị KLHT** | **Giá trị giải ngân** | **Giá trị KLHT** | **Giá trị giải ngân** | **Giá trị KLHT** | **Giá trị giải ngân** | **Trong đó, số đã được hạch toán** | **Giá trị KLHT** | **Giá trị giải ngân** | **Trong đó, số đã được hạch toán** | **Giá trị KLHT** | **Giá trị giải ngân** | **Trong đó, số đã được hạch toán** |
| **I. Vốn vay ODA** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Số tiền ngoại tệ |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| Quy VNĐ |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **II. Vốn vay ưu đãi** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| Số tiền ngoại tệ |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| Quy VNĐ |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **Tổng I+II** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| Số tiền ngoại tệ |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| Quy VNĐ |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập***(Ký, ghi rõ họ tên)* | *Ngày…… tháng…… năm………***Chủ dự án***(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên cơ quan chủ quản****Niên độ:** | **Phụ lục 05** |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN VÀ HẠCH TOÁN, GHI THU GHI CHI VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính)*

(Kỳ báo cáo từ 01/01/20... - 30/6/20...); (Kỳ báo cáo từ 1/7/20... - 31/12/20...)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam/đồng ngoại tệ

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Dự án** | **Nhà tài trợ/Số hiệu khoản tài trợ** | **Dự toán vốn năm được giao** | **Thực hiện kỳ báo cáo** | **Lũy kể từ đầu năm đến kỳ báo cáo** | **Ghi chú** |
| **ĐTPT** | **Sự nghiệp** | **Cho vay lại** |
| **ĐTPT** | **Sự nghiệp** | **Cho vay lại** | **Giá trị KLHT** | **Giá trị giải ngân** | **Giá trị KLHT** | **Giá trị giải ngân** | **Giá trị KLHT** | **Giá trị giải ngân** | **ĐTPT** | **Sự nghiệp** | **Cho vay lại** | **Tổng số** | **Trong đó, số đã xác nhận hạch toán** |
| **I. Vốn vay ODA** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| Dự án... |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| Dự án... |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| *Tổng (bằng ngoại tệ)* |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| *Quy VNĐ* |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **II. Vốn vay ưu đãi** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| Dự án... |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| Dự án... |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| *Tổng (bằng ngoại tệ)* |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| *Quy VNĐ* |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **III. ODA viện trợ không hoàn lại** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| Dự án... |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| Dự án... |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| *Tổng (bằng ngoại tệ)* |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| *Quy VNĐ* |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **Tổng I+II+III (ngoại tệ)** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **Quy VNĐ** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập***(Ký, ghi rõ họ tên)* | *Ngày…… tháng…… năm………***Cơ quan chủ quản***(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Cơ quan chủ quản: |   | **Phụ lục 06** |
| **Chủ dự án:………** | Nguồn vốn: |  |
| Tên dự án: ……………………………………………………… |  |

**BÁO CÁO KẾT THÚC RÚT VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính)*

Đơn vị tính: đồng Việt Nam/đồng ngoại tệ

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đơn rút vốn** | **Ngày nhà tài trợ giải ngân** | **Số tiền ngoại tệ** | **Tỷ giá** | **Quy VNĐ** | **Phương thức giải ngân** | **Ghi chú** |
| … |   |   |   |   |   |   |
| ... |   |   |   |   |   |   |
| **Tổng năm 20...** |   |   |   |   |   |   |
| … |   |   |   |   |   |   |
| ... |   |   |   |   |   |   |
| **Tổng năm 20...** |   |   |   |   |   |   |
| … |   |   |   |   |   |   |
| ... |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |
| **Tổng số** |   |   |   |   |   |   |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập***(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Kế toán trưởng***(Ký, ghi rõ họ tên)* | *Ngày….. tháng…… năm.........***Chủ dự án***(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)* |